

Số: /TTr-SNN&PTNT

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2020

## **TỜ TRÌNH**

**V/v phê duyệt Đề án Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí  
trong rừng đặc dụng Khu bảo tồn thiên nhiên (BTTN) Xuân Liên  
đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

*Căn cứ Luật Lâm nghiệp năm 2017; Luật Bảo vệ Môi trường năm 2014;  
Luật Đa dạng sinh học năm 2008; Luật Du lịch 2017;*

*Căn cứ các nghị định của Chính phủ: Số 168/2017/NĐ-CP ngày  
31/12/2017 quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch; số 156/2018/NĐ-CP  
ngày 16/11/2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;*

*Căn cứ các quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 147/QĐ-TTg ngày  
22/01/2020 phê duyệt chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030"; số  
201/QĐ-TTg ngày 22/01/2013 phê duyệt "Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch  
Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030"; số 2161/QĐ-TTg ngày  
11/11/2013 phê duyệt "Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch vùng Bắc Trung  
Bộ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030";*

*Căn cứ các quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: Số 2457/QĐ-UBND  
ngày 20/6/2019 về việc phê duyệt Đề cương nhiệm vụ Đề án du lịch sinh thái,  
nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng Khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên đến  
năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030; số 3214/QĐ-UBND ngày 12/8/2019 về việc  
phê duyệt dự toán kinh phí thực hiện Đề án Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí  
trong rừng đặc dụng Khu BTTN Xuân Liên đến năm 2025, tầm nhìn 2030;*

*Căn cứ các văn bản của UBND tỉnh: Số 4008/UBND-NN ngày 31/3/2020  
của UBND tỉnh về việc thực hiện trình tự, thủ tục thẩm định, trình phê duyệt Đề  
án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng Khu bảo tồn thiên  
nhiên Xuân Liên đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030; số 9826/UBND-NN  
ngày 22/7/2020 về việc rà soát, xác định cụ thể nguồn vốn và khả năng cân đối  
vốn để hoàn thiện Đề án.*

*Căn cứ Báo cáo kết quả thẩm định số 176/BC-SNN&PTNT ngày 23/9  
/2020 của Sở Nông nghiệp và PTNT về kết quả thẩm định đề án Đề án Du lịch  
sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng Khu BTTN Xuân Liên đến  
năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 (theo đề nghị của Giám đốc Ban quản lý Khu  
BTTN Xuân Liên tại Tờ trình số 08/TTr-BTXL ngày 08/4/2020).*

*Sở Nông nghiệp và PTNT kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Đề án Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng Khu BTTN Xuân Liên đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030, với các nội dung chủ yếu sau:*

**1. Tên đề án:** Đề án Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng Khu BTTN Xuân Liên đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

**2. Phạm vi thực hiện:** Đề án được thực hiện trên phạm vi toàn bộ diện tích 23.815,5 ha thuộc Khu BTTN Xuân Liên đến năm 2020 theo Quyết định số 2405/QĐ-UBND ngày 12/7/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh.

**3. Thời gian thực hiện:** Giai đoạn 2020 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

#### **4. Mục tiêu của đề án**

##### **4.1. Mục tiêu chung**

Bảo tồn và phát huy các giá trị cảnh quan thiên nhiên; khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế về đa dạng sinh học, danh lam thắng cảnh, tín ngưỡng gắn với bản sắc văn hóa các dân tộc; tạo việc làm, tăng thu nhập, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân địa phương; là cơ sở để thu hút, kêu gọi đầu tư phát triển Khu BTTN Xuân Liên.

##### **4.2. Mục tiêu cụ thể**

- Tạo điều kiện để nhân dân địa phương tham gia các loại hình du lịch, thông qua đó nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống vật chất và văn hóa tinh thần; nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, bảo vệ tính đa dạng sinh học, hệ sinh thái cũng như bảo tồn các loài động thực vật quý hiếm trong khu vực.

- Xác định được hiện trạng tài nguyên thiên nhiên; danh lam thắng cảnh và các loại sản phẩm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng Khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên.

- Xây dựng các tuyến, các điểm tổ chức du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng Khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên.

- Xây dựng lộ trình đầu tư, các hạng mục ưu tiên đầu tư và các giải pháp tổ chức thực hiện đề án.

- Làm cơ sở để lập dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng Khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên.

- Thu hút các doanh nghiệp xúc tiến đầu tư, quảng bá, thương mại; tăng lượng khách, tạo việc làm, tăng lao động qua đào tạo; tạo môi trường tự nhiên và môi trường xã hội trong Khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên.

#### **5. Địa điểm, quy mô xây dựng các công trình phục vụ du lịch sinh thái**

##### **5.1. Hệ thống các điểm du lịch sinh thái Khu BTTN Xuân Liên**

- Điểm 1: Trung tâm Du khách.

- Điểm 2: Khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng.

- Điểm 3: Khu Cứu hộ động vật bán hoang dã Sông Khao.
- Điểm 4: Khu du lịch nghỉ dưỡng cao cấp.
- Điểm 5: Khu trình diễn mô hình rừng.
- Điểm 6: Khu Hón Can.
- Điểm 7: Khu Thác Hón Yên.
- Điểm 8: Rừng nguyên sinh- bản Vịn.
- Điểm 9: Đỉnh Pù gió.
- Điểm 10: Khu thác Thiên Thủy.

### **5.2. Phương án xây dựng các tuyến du lịch**

- Tuyến 1: Ngược dòng Sông Chu.
- Tuyến 2: Dã ngoại thác Yên.
- Tuyến 3: Chinh phục thác Thiên Thủy.
- Tuyến 4: Chinh phục núi Pù Gió.
- Tuyến 5: Khám phá rừng nguyên sinh bản Vịn.

### **5.3. Vị trí, quy mô xây dựng các công trình phục vụ du lịch**

*(Chi tiết tại Phụ biểu 01 và 02 kèm theo).*

## **6. Các dòng sản phẩm, loại hình, tổ chức quản lý và khai thác**

### **6.1. Các dòng sản phẩm du lịch**

- Nhóm sản phẩm dịch vụ du lịch, dịch vụ khoa học.
- Sản phẩm du lịch kết tinh từ di sản thiên nhiên.
- Sản phẩm du lịch kết tinh từ dịch vụ khoa học, trưng bày, trình diễn di sản thiên nhiên.
- Sản phẩm du lịch kết tinh từ giá trị văn hóa.

### **6.2. Dịch vụ du lịch**

Dịch vụ gồm: Lưu trú, nghỉ dưỡng; hướng dẫn viên du lịch; ăn uống; cắm trại; biểu diễn nghệ thuật; trải nghiệm, khám phá mạo hiểm; đạp xe tham quan; bơi thuyền ngắm cảnh trên sông; tổ chức hội nghị, hội thảo; thể thao; câu cá.

### **6.3. Tổ chức khai thác và quản lý du lịch**

Ban quản lý Khu BTTN Xuân Liên tổ chức các hoạt động quản lý khai thác du lịch và hợp tác, liên doanh liên kết để tổ chức quản lý và khai thác các hoạt động du lịch.

### **6.4. Xúc tiến quảng bá du lịch**

- Xây dựng thông điệp quảng bá du lịch, lựa chọn kênh thông tin, đưa và cập nhật thông tin du lịch thường xuyên. Nghiên cứu, điều tra thị trường

du lịch định kỳ theo để có được thông tin về diễn biến thị trường làm cơ sở cho cách hoạt động xúc tiến quảng bá, xây dựng hình ảnh, thương hiệu, phát triển sản phẩm du lịch.

- Xã hội hóa hoạt động xúc tiến quảng bá du lịch thông qua việc huy động các nguồn vốn, trí thức của tập thể và cá nhân trong việc tổ chức và thực hiện các hoạt động xúc tiến quảng bá; thông qua trang thông tin cá nhân, các diễn đàn du lịch trên Facebook, Instagram, Zalo và các diễn đàn du lịch chính thống khác.

## **7. Các giải pháp thực hiện**

### **7.1. Giải pháp về quản lý bảo vệ và phát triển rừng**

- Tổ chức thực hiện các biện pháp tuần tra, kiểm soát, ngăn chặn triệt để tình trạng phá rừng; khai thác, vận chuyển, buôn bán lâm sản và các động vật hoang dã; tăng cường kiểm soát lửa rừng. Hạt Kiểm lâm rừng đặc dụng Xuân Liên phối hợp với chính quyền địa phương, công an, quân đội, đồn biên phòng Bát Mọt, Hạt Kiểm lâm huyện Thường Xuân, các Hạt Kiểm lâm vùng giáp ranh thuộc tỉnh Nghệ An tăng cường công tác kiểm tra và xử lý kịp thời tình trạng khai thác, sử dụng trái phép.

- Đẩy mạnh các hoạt động trồng rừng; khoan nuôi tái sinh rừng phù hợp với điều kiện sinh thái; giao khoán bảo vệ rừng đối với các hộ gia đình ở vùng đệm Khu bảo tồn. Phục hồi, phát triển vốn rừng và không ngừng nâng cao chất lượng, độ che phủ của rừng.

- Nâng cao năng lực bảo tồn và quản lý bảo vệ rừng và đa dạng sinh học; xây dựng các cơ sở dữ liệu, lập các chương trình, kế hoạch bảo tồn các loại động vật đặc hữu và quý hiếm.

- Tăng cường công tác nghiên cứu khoa học và sự tài trợ trong và ngoài nước; tạo điều kiện cho các tổ chức quốc tế thực hiện các chương trình, dự án bảo tồn, hỗ trợ cộng đồng tại khu vực.

### **7.2. Giải pháp về bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học**

- Nâng cao nhận thức bảo tồn và bảo vệ thiên nhiên trong cộng đồng dân cư sống trong và gần rừng; thực hiện phương châm “gần dân, bám dân”. Thường xuyên tuyên truyền giáo dục, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường trong cộng đồng dân cư, khách du lịch, các đơn vị sản xuất kinh doanh trên địa bàn; kết hợp hài hòa giữa giáo dục, các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn kịp thời, xử lý nghiêm minh, nhằm bảo vệ tốt tài nguyên thiên nhiên, bản sắc văn hóa, môi trường sinh thái.

- Xây dựng các mô hình phát triển du lịch sinh thái để người dân địa phương chủ động tham gia công tác bảo vệ rừng, bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, văn hóa bản địa và được hưởng nhiều lợi ích từ hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng và giải trí. Tạo việc làm, chuyển đổi ngành nghề cho nông dân thông qua các dự án du lịch trên địa bàn.

- Thực hiện chính sách chia sẻ lợi ích đối với người dân địa phương, gắn với phát triển du lịch sinh thái; nâng cao hiệu quả quản lý, bảo tồn và phát triển bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên, giải quyết việc làm, nâng cao đời sống người dân vùng đệm.

### **7.3. Giải pháp về ứng dụng khoa học kỹ thuật**

- Tăng cường đầu tư trang thiết bị hiện đại, áp dụng khoa học kỹ thuật mới phục vụ công tác quản lý, giám sát các hoạt động du lịch, tài nguyên du lịch, kiểm soát, giám sát và cảnh báo ô nhiễm trên cơ sở ứng dụng khoa học, công nghệ hiện đại và nền tảng công nghệ số.

- Xây dựng trang thông tin điện tử, sở dữ liệu điện tử trực tuyến về du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí; xúc tiến, quảng bá, xây dựng thương hiệu.

- Ứng dụng các tiện ích thông minh nhằm hướng dẫn về các giá trị tự nhiên, các giá trị đa dạng sinh học để khách có nhiều trải nghiệm tốt, hiểu được các giá trị của Xuân Liên.

- Đầu tư công nghệ trong việc quản lý du khách đến và đi để đánh giá được sức chứa sức tải nhằm giảm thiểu những tác động tiêu cực của du khách đến thiên nhiên và môi trường.

### **7.4. Giải pháp về vốn**

**- Tổng nguồn vốn của Đề án: 113.860 triệu đồng, trong đó:**

+ Các nội dung, hạng mục đã được phê duyệt giai đoạn 2012-2020, đề nghị tiếp tục thực hiện: 45.740 triệu đồng.

+ Các nội dung, hạng mục đề nghị phê duyệt mới: 68.120 triệu đồng.

**- Phân theo nguồn vốn thực hiện Đề án**

\* *Vốn Ngân sách tỉnh*: Dự kiến 14.950 triệu đồng; chiếm 13,1 % tổng nguồn vốn của đề án. Tập trung cho hoạt động quy hoạch, tuyên truyền quảng bá và đào tạo về nhân lực... sử dụng để xây dựng hạ tầng cơ bản như đường, điện, cải tạo cảnh quan, trồng Vườn thực vật các loài cây bản địa, sửa chữa nâng cấp khu làm việc...

\* *Vốn huy động hợp pháp khác*: Dự kiến 98.910 triệu đồng, chiếm 86,9 % tổng nguồn vốn của đề án bao gồm: Nguồn ngân sách của trung ương; Nguồn ngân sách Huyện Thường Xuân; vốn đầu tư của doanh nghiệp; vốn liên doanh liên kết; vốn từ các nguồn thu từ dịch vụ tái đầu tư; vốn xã hội hóa, đóng góp của các tổ chức, cá nhân, cán bộ Khu bảo tồn,..

+ Nguồn ngân sách của Trung ương: Sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành nguyên tắc, định mức, tiêu chí phân bổ NSNN và Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo tổng mức đầu tư công trong giai đoạn 2021-2025 cho tỉnh Thanh Hóa, Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Thanh Hóa tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh Thanh Hóa xem xét hỗ trợ đầu tư một số hạng mục công trình thuộc đối tượng đầu tư của

NSNN thuộc đối tượng, trách nhiệm đầu tư của ngân sách nhà nước, phù hợp với quy định của Luật đầu tư công.

+ Vốn Ngân sách huyện Thường Xuân: Sau khi Đề án được phê duyệt, UBND huyện Thường Xuân ưu tiên một số hạng mục đầu tư hạ tầng thiết yếu phù hợp với Luật đầu tư công trình HĐND phê duyệt, đồng thời thúc đẩy thu hút, kêu gọi đầu tư từ các nhà đầu tư trong và ngoài huyện đầu tư các hạng mục trong Đề án.

+ Vốn thu hút đầu tư từ các nhà đầu tư

+ Vốn liên kết với các công ty kinh doanh du lịch

+ Vốn từ các nguồn thu dịch vụ Đơn vị tái đầu tư lại

+ Vốn xã hội hóa, đóng góp của công chức, viên chức, người lao động Khu Bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên, cộng đồng nhân dân trong vùng dự án,..

*(Chi tiết theo Phụ biểu 03 đính kèm)*

### **7.5. Giải pháp về nguồn nhân lực**

- Phát triển nguồn nhân lực du lịch đáp ứng yêu cầu về chất lượng, chú trọng đào tạo kỹ năng nghề và kỹ năng mềm cho lực lượng lao động trực tiếp phục vụ du lịch, đặc biệt là đội ngũ hướng dẫn viên, thuyết minh viên du lịch tại điểm; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cho cộng đồng dân cư tham gia kinh doanh du lịch và góp phần quảng bá điểm đến, hình ảnh du lịch của địa phương.

- Nâng cao nhận thức về bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học và nghiệp vụ giáo dục môi trường, tuyên truyền cho các hướng dẫn viên, đặc biệt là hướng dẫn viên người địa phương; hình thành đội ngũ cộng tác viên, tình nguyện viên là người địa phương hướng dẫn, hỗ trợ khách du lịch.

### **7.6. Dự báo tác động đến môi trường**

- Đẩy mạnh tuyên truyền quảng bá du lịch: theo hướng “du lịch có trách nhiệm” với nhiều loại hình tuyên truyền, nâng cao ý thức cộng đồng, các nhà đầu tư và khách du lịch về việc phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường bền vững.

- Các công trình, dự án triển khai trên địa bàn đều phải thực hiện hoàn thiện các thủ tục về môi trường theo quy định của pháp luật trước khi triển khai thực hiện và hoạt động; các tuyến, điểm xây dựng phương án thu gom, xử lý nước, chất thải, bảo đảm không gây ô nhiễm theo quy định.

- Thường xuyên theo dõi, thông báo mức độ và nguy cơ cháy rừng. Lực lượng chữa cháy luôn phải sẵn sàng làm nhiệm vụ chữa cháy khi xảy ra cháy rừng;

- Hoạt động du lịch góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế địa phương và tạo ra nhiều việc làm cho cộng đồng; chuyển dịch kinh tế địa phương từ sản xuất và khai thác tài nguyên rừng sang các hoạt động dịch vụ có thu nhập cao hơn và giúp cộng đồng địa phương giảm hoặc không còn phụ thuộc vào tài nguyên rừng.

- Khuyến khích các đơn vị đầu tư thiết kế, xây dựng các điểm du lịch theo phương thức thân thiện với môi trường. Vật liệu xây dựng là vật liệu tự nhiên, thi công theo phương án thủ công, tiết kiệm, bảo đảm tối đa yêu cầu về bảo vệ môi trường sinh thái và hài hòa với cảnh quan thiên nhiên.

## **8. Tổ chức giám sát hoạt động du lịch sinh thái**

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm của chính quyền địa phương các cấp trong việc quản lý về lưu trú, an ninh đối với các hoạt động du lịch; các yếu tố an toàn cho người tham gia; xây dựng nếp sống văn minh, bảo đảm vệ sinh, môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, an ninh, an toàn cho khách du lịch; tạo dựng môi trường du lịch văn minh, thân thiện.

- Các hoạt động xây dựng và du lịch trong Khu bảo tồn tuân thủ đúng quy định theo Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp và các quy định pháp luật hiện hành.

## **9. Hiệu quả của đề án**

### **9.1. Hiệu quả kinh tế**

- Việc thực hiện đề án sẽ giúp tăng nguồn thu để tái đầu tư cho các hoạt động quản lý bảo vệ và phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học trong khu BTTN Xuân Liên; thúc đẩy sự phát triển của kinh tế địa phương, tạo công việc cho cộng đồng vùng đệm, góp phần tăng nguồn thu cho địa phương từ các hoạt động dịch vụ.

- Cung cấp các dịch vụ, sản phẩm, hàng hóa nông sản, thủy sản, mặt hàng truyền thống của địa phương; chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên địa bàn từ nông nghiệp hay khai thác tài nguyên rừng truyền thống sang kinh tế dịch vụ, góp phần cải thiện và nâng cao thu nhập, đời sống vật chất, tinh thần cho cộng đồng dân cư ở địa phương.

### **9.2. Hiệu quả về xã hội**

- Hoạt động dịch vụ du lịch ở Khu BTTN Xuân Liên sẽ thu hút được nguồn lao động địa phương, góp phần tăng thu nhập, xoá đói giảm nghèo và ổn định đời sống nhân dân ở các xã vùng đệm.

- Các hoạt động văn hóa truyền thống được phục hồi và duy trì, góp phần làm thay đổi đời xã hội của cộng đồng, giúp người dân vùng đệm nâng cao dân trí, nếp sống văn minh, lành mạnh.

### **9.3. Hiệu quả về môi trường**

- Du lịch sinh thái là loại hình du lịch dựa vào thiên nhiên và văn hoá bản địa gắn với giáo dục và diễn giải về môi trường. Do đó, khi tham gia vào hoạt động du lịch sinh thái sẽ hiểu, nhận thức và trách nhiệm, trân trọng hơn các giá trị của thiên nhiên, đa dạng sinh học.

- Các hoạt động bảo vệ rừng, bảo vệ đa dạng sinh học, bảo tồn thiên nhiên được quan tâm đầu tư, phát huy, độ che phủ của rừng được nâng cao sẽ cung cấp các dịch vụ hệ sinh thái hiệu quả hơn như giữ nước, điều hòa được dòng chảy, hạn chế xói mòn, cung cấp nước cho sản xuất, sinh hoạt cho cộng đồng.

## **10. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư**

*(Chi tiết tại Phụ biểu 04 kèm theo).*

## **11. Tổ chức thực hiện**

### **11.1. Ban quản lý Khu BTTN Xuân Liên**

Phối hợp với các ngành chức năng, UBND huyện Thường Xuân tổ chức triển khai thực hiện đề án đã được phê duyệt; tổ chức xúc tiến, kêu gọi đầu tư từ các tổ chức trong và ngoài nước, tranh thủ chỉ đạo và hỗ trợ của các bộ, ngành Trung ương; Phương án liên doanh, liên kết, kêu gọi đầu tư kết hợp bảo vệ, phát triển rừng bền vững.

### **11.2. Sở Nông nghiệp và PTNT**

Hướng dẫn, chỉ đạo Ban quản lý Khu BTTN Xuân Liên phối hợp các sở ngành chức năng liên quan và UBND huyện Thường Xuân tổ chức công bố công khai rộng rãi nội dung của đề án trên các phương tiện truyền thông để các ban, ngành, các xã và nhân dân trên địa bàn biết và thực hiện Đề án; cụ thể hóa các nhiệm vụ, các giải pháp nêu trên; tăng cường công tác kiểm tra giám sát hoạt động du lịch liên quan phát đến phát triển nông, lâm nghiệp;

Phối hợp với các sở, ban ngành, đơn vị liên quan tham mưu cho UBND tỉnh quản lý, trình, thẩm định các dự án đầu tư phát triển tại các phân khu du lịch theo quy định; lồng ghép với các Chương trình đầu tư có mục tiêu, hỗ trợ khu BTTN Xuân Liên trong việc thu hút, kêu gọi các nguồn vốn đầu tư

### **11.3. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

Chủ trì phối hợp với các sở, ban ngành, đơn vị liên quan tham mưu huy động nguồn vốn, xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn và thẩm định chủ trương đầu tư theo quy định.

### **11.4. Sở Tài chính**

Chủ trì phối hợp với các sở, ban ngành, đơn vị liên quan tham mưu, báo cáo UBND, HĐND tỉnh cân đối các nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước trong kế hoạch ngân sách hàng năm và nguồn vốn lồng ghép do ngân sách tỉnh đảm nhận theo quy định để thực hiện có hiệu quả những nội dung của Đề án được duyệt.

### **11.5. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch**

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn, giám sát, kiểm tra ban quản lý Khu BTTN Xuân Liên, các đơn vị, cá nhân trong việc tổ chức quản lý các hoạt động du lịch sinh thái, bảo tồn di sản văn hóa, lịch sử trong khu bảo tồn; lồng ghép kế hoạch, chương trình, quy hoạch phát triển du lịch toàn tỉnh với phát triển du lịch tại Khu BTTN Xuân Liên.



### ***11.6. Sở Tài nguyên và Môi trường***

Chủ trì phối hợp với các sở, ban ngành, đơn vị liên quan tham mưu việc quản lý đất đai, giao đất, thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất cho các dự án đầu tư du lịch trên địa bàn. Hướng dẫn về chuyên môn đề xuất phương án bảo vệ tài nguyên môi trường, phương án xử lý nước thải từ hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí và dân sinh trên địa bàn.

### ***11.7. Sở Xây dựng***

Phối hợp Sở Nông nghiệp và PTNT chỉ đạo, hướng dẫn ban quản lý Khu BTTN Xuân Liên trong việc quản lý đất đai, giao đất cho các dự án đầu tư du lịch trên địa bàn; quản lý hoạt động xây dựng, dự án đầu tư xây dựng theo phân công, phân cấp quản lý.

### ***11.8. Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh***

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về khu vực biên giới; quản lý, điều kiện thuận lợi cho du khách nước ngoài đăng ký làm thủ tục vào khu vực biên giới quốc gia theo quy định; đảm bảo an ninh, an toàn cho du khách.

***11.9. Các sở, ban ngành liên quan:*** Theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND huyện Thường Xuân để chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, đôn đốc thực hiện các nội dung của Đề án.

### ***11.10. Ủy ban nhân dân huyện Thường Xuân***

Chỉ đạo UBND các xã trong vùng quy hoạch khu bảo tồn thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng đặc dụng trên địa bàn; phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, và các ngành có liên quan hỗ trợ Ban quản lý Khu BTTN Xuân Liên thúc đẩy kêu gọi, thu hút đầu tư vào lĩnh vực du lịch sinh thái, tạo điều kiện thuận lợi để các nhà đầu tư kinh doanh có hiệu quả trên địa bàn huyện. Ưu tiên cân đối từ nguồn ngân sách huyện để thực hiện một số hạng mục đầu tư trong Đề án.

*(Gửi kèm theo Hồ sơ Đề án; Báo cáo kết quả thẩm định; ý kiến thẩm định của các sở ngành; dự thảo Quyết định phê duyệt Đề án).*

Sở Nông nghiệp và PTNT kính trình UBND tỉnh xem xét, Quyết định./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Lưu: VT, KHTC.

**GIÁM ĐỐC**

**Lê Đức Giang**

**Phụ biểu 01: Vị trí, quy mô các điểm du lịch Đề án Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng Khu BTTN Xuân Liên đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.**

TT	Các điểm du lịch	Tổng diện Tích	Diện tích xây dựng cơ sở hạ tầng		Đất quảng trường, sân bãi, hạ tầng kỹ thuật khác		Đất rừng tự nhiên phục vụ du lịch		Mặt nước	
		(ha)	(ha)	(%)	(ha)	(%)	(ha)	(%)	(ha)	(%)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Điểm Trung tâm Du khách	145,0	0,90	0,62	7,49	5,17	134,61	92,83	2,0	1,38
2	Khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng	437,0	6,00	1,37	14,4	3,30	416,0	95,33		
3	Điểm cứu hộ động vật bán hoang dã Sông Khao	50,0	0,09	0,18	0,95	1,90	48,96	97,92		
4	Khu du lịch nghỉ dưỡng cao cấp	230,7	1,60	0,69	4,80	2,08	224,30	97,23		
5	Hón Can	123,8	6,19	5,00	12,38	10,00	105,23	85,00		
6	Thác Hón Yên	165,0	2,27	1,37	5,44	3,30	157,30	95,33		
7	Thác Thiên Thủy	9,50	0,09	0,95	0,28	2,95	9,13	96,11		

**Phụ biểu 02: Tổng hợp các công trình đầu tư xây dựng phục vụ Đề án Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng Khu BTTN Xuân Liên đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.**

TT	Hạng mục	Chi tiết các hạng mục công trình
<b>1</b>	<b>Trung tâm Du khách:</b>	Khu đón tiếp khách, cung cấp thông tin, giới thiệu du khách về lộ trình, các nội dung tham quan du lịch
	Hạ tầng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trung tâm Điều hành/Hành Chính – 200m<sup>2</sup></li> <li>- Trung tâm Du khách/Diễn giải môi trường - 300m<sup>2</sup></li> <li>- Trung tâm hội nghị - 500m<sup>2</sup> (1 phòng họp lớn 100 khách + 1 phòng họp nhỏ 30 khách, 1 phòng họp trung bình 50 khách)</li> <li>- Nhà khách (50 Phòng lưu trú)</li> <li>- Nhà hàng - 300 m<sup>2</sup> (phục vụ được 200 khách)</li> <li>- Khu trưng bày và bán đồ lưu niệm - 100m<sup>2</sup></li> <li>- Bãi xe - 2.000m<sup>2</sup></li> <li>- Bến thuyền - 1.000m<sup>2</sup></li> <li>- Khu vực thu gom và phân loại chất thải - 200m<sup>2</sup></li> </ul>
<b>2</b>	<b>Điểm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng:</b>	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 gồm các khu sau:
2.1	Làng Bún:	Thiết kế khu nghỉ dưỡng sinh thái bao gồm các hạng mục sau:
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khu nghỉ dưỡng và chăm sóc sức khỏe</li> <li>- Khu dịch vụ tổng hợp: Nhà hàng + khu vực bán đồ lưu niệm</li> <li>- Bến thuyền</li> <li>- Hệ thống đường ven hồ, công viên, các công trình phụ trợ</li> <li>- Khu thể thao mặt nước</li> </ul>
2.2	Làng Lại:	Thiết kế khu du lịch sinh thái theo các mô hình hộ gia đình
	Hạ tầng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khu nhà ở sinh thái mô hình hộ gia đình gắn với sản xuất nông nghiệp</li> <li>- Nhà sinh hoạt cộng đồng, nhà vệ sinh công cộng</li> <li>- Khu kiốt bán hàng lưu niệm</li> <li>- Hệ thống đường đi lại, bãi đậu xe, công trình phụ trợ</li> </ul>
2.3	Suối Hón Bó:	Thiết kế, cải tạo cảnh quan, tạo đường đi bộ, cải tạo suối thác Hón Bó, khu cắm trại hỗ trợ cho các hoạt động du lịch sinh thái như:
	Hạ tầng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khu vui chơi, máng trượt suối thác Hón Bó</li> <li>- Khu dịch vụ tổng hợp (nhà hàng, điểm bán lưu niệm)</li> <li>- Bãi cắm trại, nhà vệ sinh</li> <li>- Tuyến đường đi bộ, công trình phụ trợ</li> </ul>
<b>3</b>	<b>Điểm cứu hộ động vật dã Sông Khao:</b>	Quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/2000 điểm cứu hộ động vật bán hoang dã Sông Khao gồm:
	Hạ tầng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khu điều hành/ hành chính</li> <li>- Xây dựng khu cứu hộ, khu nuôi bán hoang dã.</li> <li>- Nhà chế biến và bảo quản thức ăn động vật</li> <li>- Khu vực cách ly và chăm sóc thú ý</li> <li>- Hàng rào điện cách ly</li> <li>- Cầu cảnh quan, bến thuyền</li> </ul>

TT	Hạng mục	Chi tiết các hạng mục công trình
		- Hệ thống giao thông, công viên, các công trình phụ trợ ...
4	<b>Điểm nghỉ dưỡng cao cấp:</b> Quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/2000 gồm các khu sau:	
	Hạ tầng	- Khu thể thao - Khu nghỉ dưỡng và chăm sóc sức khỏe - Khu dịch vụ tổng hợp: Nhà hàng + khu vực bán đồ lưu niệm - Bến thuyền - Hệ thống đường ven hồ, công viên, các công trình phụ trợ
5	<b>Khu trình diễn mô hình rừng</b>	
	Hạ tầng	- Xây dựng nhà vệ sinh công cộng - Xây dựng bến Thuyền tạm, đường mòn xuống bến Thuyền.
	Cải tạo rừng	- Cải tạo có trồng bổ sung cây lấy quả: 48 ha. - Cải tạo có trồng bổ sung cây lấy đồ uống nước, tinh dầu, dược liệu, gia vị: 100 ha. - Cải tạo có trồng bổ sung cây cảnh quan: 30 ha.
6	<b>Điểm Hón Can:</b> Là khu du lịch sinh thái kết hợp với du lịch cộng đồng	
	Hạ tầng	- Xây nhà vệ sinh công cộng ở một số điểm - Nhà nghỉ chân cho du khách ở các tuyến trong rừng - Đầu tư cho một số hộ gia đình ở thôn Hang Cáo để đón khách lưu trú gồm: + Sửa nhà sàn và các trang thiết bị để đón khách lưu trú + Tập huấn cho cộng đồng về du lịch (nấu ăn, vệ sinh, đón tiếp) + Phục hồi một số hoạt động văn hóa của người Thái
7	<b>Điểm thác Hón Yên:</b> Quy hoạch định hướng tỉ lệ 1/2000 gồm: Khu nghỉ dưỡng và chăm sóc sức khỏe; khu dịch vụ tổng hợp gồm các nhà hàng, quầy bán đồ lưu niệm; Khu bến thuyền và các công trình phụ trợ ... Ngoài ra cần xây dựng các công trình trên các tuyến du lịch:	
	Hạ tầng	- Khu vệ sinh chung - Các điểm trú chân theo các tuyến - Hệ thống biển báo, hướng dẫn cho các tuyến thăm quan, trải nghiệm
8	<b>Điểm thác Thiên Thủy:</b> Quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/2000, với các hạng mục:	
	Hạ tầng	- Cải tạo nhà vệ sinh công cộng hiện có - Bổ sung hệ thống thống an toàn, biển cảnh báo, bảng chỉ dẫn - Nâng cấp, xây mới một số nhà nghỉ chân trong rừng - Đầu tư cho một số hộ gia đình ở thôn Hang Cáo để đón khách lưu trú gồm: + Sửa nhà sàn và các trang thiết bị để đón khách lưu trú + Tập huấn cho cộng đồng về du lịch (nấu ăn, vệ sinh, đón tiếp) + Phục hồi một số hoạt động văn hóa của người Thái như múa xòe, múa sạp và các lễ hội địa phương
9	<b>Đỉnh Pù Gió:</b> Do đỉnh Pù Gió nằm trong khu bảo vệ nghiêm ngặt nên các hoạt động đầu tư công trình cố định không thực hiện được nên chỉ đầu tư các công trình tạm, tận dụng tối đa đặc điểm địa hình và điều kiện tại chỗ	
	Hạ tầng	- Nhà vệ sinh - Các điểm nghỉ chân trên tuyến - Điểm cắm trại - Các điểm vọng cảnh

TT	Hạng mục	Chi tiết các hạng mục công trình
10	<b>Rừng nguyên sinh – bản Vịn:</b>	Nằm trong khu bảo vệ nghiêm ngặt nên chỉ đầu tư các công trình tạm, tận dụng tối đa đặc điểm địa hình và điều kiện tại chỗ.
	Hạ tầng	<p>Một số hạng mục đầu tư cần làm để phát triển được các hoạt động du lịch ở điểm đến:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cải tạo và nâng cấp đường đi bộ đến khu vực và quần thể cây di sản dài 10,2km</li> <li>- Xây dựng đường tiếp nối lên quần thể cây Di sản</li> <li>- Lập một số điểm vọng cảnh/điểm nghỉ chân trên tuyến</li> <li>- Hệ thống chỉ dẫn, biển báo</li> <li>- Các điểm cắm trại</li> </ul> <p>Đầu tư cho một số hộ gia đình ở bản Vịn để đón khách lưu trú gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Sửa nhà sàn và các trang thiết bị để đón khách lưu trú</li> <li>+ Tập huấn cho cộng đồng về du lịch (nấu ăn, vệ sinh, đón tiếp)</li> <li>+ Phục hồi một số hoạt động văn hóa của người Thái như múa xòe, múa sạp và các lễ hội địa phương gắn với thiên nhiên.</li> </ul>

**Phụ biểu 03: Tổng hợp vốn đầu tư Đề án Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng Khu BTTN  
Xuân Liên đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Xuất đầu tư	Thành tiền	Nhu cầu vốn		Văn bản phê duyệt
						Ngân sách tỉnh	Vốn hợp pháp khác	
<b>I</b>	<b>Hạng mục đầu tư đã được phê duyệt tại Quyết định số 4168/QĐ-UBND, ngày 12/12/2012; Quyết định số 2405/QĐ-UBND, ngày 12/7/2013 và Kế hoạch số 220/KH-UBND ngày 27/12/2018</b>				<b>45.740</b>	<b>8.700</b>	<b>37.040</b>	
<b>A</b>	<b>LẬP QUY HOẠCH</b>				<b>4.000</b>	<b>4.000</b>	<b>-</b>	
1	Lập quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/2000 Khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí	Khu	1	800	800	800		QĐ số 4168/QĐ-UBND, ngày 12/12/2012 và QĐ số 2405/QĐ-UBND, ngày 12/7/2013
2	Lập quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/2000 Khu cứu hộ động vật bán hoang dã Sông Khao	Khu	1	800	800	800		QĐ số 4168/QĐ-UBND, ngày 12/12/2012 và QĐ số 2405/QĐ-UBND, ngày 12/7/2014
3	Lập quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/2000 Khu nghỉ dưỡng cao cấp	Khu	1	800	800	800		QĐ số 4168/QĐ-UBND, ngày 12/12/2012 và QĐ số 2405/QĐ-UBND, ngày 12/7/2015
4	Lập quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/2000 Khu du lịch thác Hón Yên	Khu	1	800	800	800		KH Số 220/KH-UBND ngày 27/12/2018
5	Lập quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/2000 Khu du lịch thác Thiên Thủy	Khu	1	800	800	800		KH Số 220/KH-UBND ngày 27/12/2018
<b>B</b>	<b>HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG</b>				<b>23.140</b>	<b>3.200</b>	<b>19.940</b>	
<b>1</b>	<b>Điểm Trung tâm du khách</b>				<b>9.600</b>	<b>3.200</b>	<b>6.400</b>	
1.1	Cải tạo cảnh quan, cây xanh ven đường giao thông trên tuyến đường từ BQL khu bảo tồn đi vào bến thuyền	Km	5,5	200	1.100	1.100	-	QĐ số 4168/QĐ-UBND, ngày 12/12/2012 và QĐ số 2405/QĐ-UBND, ngày 12/7/2015

STT	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Xuất đầu tư	Thành tiền	Nhu cầu vốn		Văn bản phê duyệt
						Ngân sách tỉnh	Vốn hợp pháp khác	
	Hồ Cửa Đạt							
1.2	Công vào khu bảo tồn	Công trình	1	500	500	500	-	QĐ số 2405/QĐ-UBND, ngày 12/7/2013
1.3	Xây dựng trung tâm bảo tồn, phát triển sinh vật và dịch vụ môi trường rừng	Khu	1	8.000	8.000	1.600	6.400	QĐ số 2405/QĐ-UBND, ngày 12/7/2013
<b>2</b>	<b>Điểm trình diễn mô hình rừng</b>				<b>5.540</b>	<b>-</b>	<b>5.540</b>	
2.1	Xây dựng bến thuyền tạm, đường mòn xuống thuyền để thuận lợi đi lại	Bến thuyền	1	200	200		200	QĐ số 4168/QĐ-UBND, ngày 12/12/2012 và QĐ số 2405/QĐ-UBND, ngày 12/7/2015
2.2	Dự án Cải tạo phục hồi rừng có trồng bổ sung cây lấy quả: 48 ha	Ha	48	30	1.440		1.440	QĐ số 4168/QĐ-UBND, ngày 12/12/2012 và QĐ số 2405/QĐ-UBND, ngày 12/7/2015
2.3	Dự án Cải tạo phục hồi rừng có trồng bổ sung cây lấy đồ uống nước, tinh dầu, dược liệu, gia vị.	Ha	100	30	3.000		3.000	QĐ số 4168/QĐ-UBND, ngày 12/12/2012 và QĐ số 2405/QĐ-UBND, ngày 12/7/2015
2.4	Dự án Cải tạo phục hồi rừng có trồng bổ sung cây cảnh quan: 30 ha.	Ha	30	30	900		900	QĐ số 4168/QĐ-UBND, ngày 12/12/2012 và QĐ số 2405/QĐ-UBND, ngày 12/7/2015
<b>3</b>	<b>Tuyến du lịch Hón Can- Thác Thiên Thủy</b>				<b>800</b>	<b>-</b>	<b>800</b>	
3.1	Lều nghỉ chân cho du khách trên tuyến du lịch Hón Can – thác Thiên Thủy	Cái	8	100	800		800	QĐ số 4168/QĐ-UBND, ngày 12/12/2012 và QĐ số 2405/QĐ-UBND, ngày 12/7/2015
<b>4</b>	<b>Tuyến du lịch khám phá rừng nguyên sinh bản Vịn</b>				<b>5.000</b>	<b>-</b>	<b>5.000</b>	
4.1	Lều nghỉ chân trên tuyến đường đi bộ khám phá rừng nguyên sinh bản Vịn	Cái	20	100	2.000		2.000	QĐ số 4168/QĐ-UBND, ngày 12/12/2012 và QĐ số 2405/QĐ-UBND, ngày 12/7/2015
4.2	Xây dựng tháp quan sát cảnh quan	Cái	3	1.000	3.000		3.000	QĐ số 4168/QĐ-UBND, ngày

STT	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Xuất đầu tư	Thành tiền	Nhu cầu vốn		Văn bản phê duyệt
						Ngân sách tỉnh	Vốn hợp pháp khác	
	trong rừng nguyên sinh bản Vịn kết hợp theo dõi tập tính động vật							12/12/2012 và QĐ số 2405/QĐ-UBND, ngày 12/7/2015
<b>5</b>	<b>Tuyến du lịch từ Trung tâm du khách-Vườn thực vật- Trung tâm cứu hộ bán hoang dã Sông Khao-Thác Yên</b>				<b>2.200</b>	-	<b>2.200</b>	-
5.1	Xây dựng Lều nghỉ chân trên tuyến đường đi bộ vào vườn thực vật	Cái	7	100	700		700	QĐ số 4168/QĐ-UBND, ngày 12/12/2012 và QĐ số 2405/QĐ-UBND, ngày 12/7/2015
5.2	Xây dựng lều nghỉ chân trên tuyến đường đi bộ thác Yên	Cái	3	100	300		300	QĐ số 4168/QĐ-UBND, ngày 12/12/2012 và QĐ số 2405/QĐ-UBND, ngày 12/7/2015
5.3	Hệ thống hàng rào bảo vệ du khách trên tuyến đường đi bộ vào thác Yên, bảng chỉ dẫn, biển báo nguy hiểm	Km	1	1.200	1.200		1.200	QĐ số 4168/QĐ-UBND, ngày 12/12/2012
<b>C</b>	<b>HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG</b>				<b>4.500</b>	-	<b>4.500</b>	
1	Tuyến đường mòn đi bộ từ thôn Quận xã Vạn Xuân đi đỉnh Pù Gió	Km	15	300	4.500		4.500	QĐ số 4168/QĐ-UBND, ngày 12/12/2012 và QĐ số 2405/QĐ-UBND, ngày 12/7/2015
<b>D</b>	<b>HỆ THỐNG CẤP ĐIỆN, THÔNG TIN LIÊN LẠC</b>				<b>4.800</b>	-	<b>4.800</b>	
1	Hệ thống điện năng lượng mặt trời cho Hón Yên, thác Thiên Thủy, đỉnh Pù gió, trạm kiểm lâm Sông Khao, Hón Mong, nhà nổi trạm Cửa Đạt	Hệ thống	6	800	4.800		4.800	QĐ số 4168/QĐ-UBND, ngày 12/12/2012 và QĐ số 2405/QĐ-UBND, ngày 12/7/2015
<b>E</b>	<b>VỆ SINH MÔI TRƯỜNG</b>				<b>800</b>	-	<b>800</b>	-
1	Bãi thu gom chất thải rắn trung gian tại Khu trung tâm du lịch sinh thái để chuyển xử lý tại Khu xử lý của Thị	Khu	1	800	800		800	QĐ số 4168/QĐ-UBND, ngày 12/12/2012 và QĐ số 2405/QĐ-UBND, ngày 12/7/2015



STT	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Xuất đầu tư	Thành tiền	Nhu cầu vốn		Văn bản phê duyệt
						Ngân sách tỉnh	Vốn hợp pháp khác	
	trần Cửa Đạt và xây tường bao quanh							
<b>F</b>	<b>HẠNG MỤC KHÁC</b>				<b>8.500</b>	<b>1.500</b>	<b>7.000</b>	
1	Xây dựng hệ thống các bảng quảng bá, bảng nội quy, bảng chỉ dẫn du lịch	Hệ thống	1	1.000	1.000		1.000	QĐ số 4168/QĐ-UBND, ngày 12/12/2012 và QĐ số 2405/QĐ-UBND, ngày 12/7/2015
2	Xây dựng thông tin, tuyên truyền, quảng bá về du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng trên các phương tiện truyền thông, báo, đài .....	Chương trình	1	500	500		500	QĐ số 4168/QĐ-UBND, ngày 12/12/2012 và QĐ số 2405/QĐ-UBND, ngày 12/7/2015
3	Dự án Quy hoạch Làng sinh thái gắn với sản xuất nông nghiệp phục vụ các dịch vụ du lịch	Dự án	1	1.000	1.000	1.000		QĐ số 4168/QĐ-UBND, ngày 12/12/2012 và QĐ số 2405/QĐ-UBND, ngày 12/7/2015
4	Chương trình tập huấn kỹ năng du lịch sinh thái cho cán bộ khu bảo tồn và hướng dẫn viên du lịch cơ sở	Công trình	1	2.500	2.500		2.500	QĐ số 4168/QĐ-UBND, ngày 12/12/2012 và QĐ số 2405/QĐ-UBND, ngày 12/7/2015
5	Cải tạo, nâng cấp, mua mới các loại gồm: Thuyền, xe và các trang thiết bị cứu hộ.	Dự án	1	3.000	3.000		3.000	QĐ số 4168/QĐ-UBND, ngày 12/12/2012 và QĐ số 2405/QĐ-UBND, ngày 12/7/2015
6	Mua sắm các trang thiết bị hoàn thiện cho nhà bảo tàng động thực vật; Trung tâm cứu hộ động vật; Trung tâm du khách.	Dự án	1	500	500	500		QĐ số 2405/QĐ-UBND, ngày 12/7/2013
<b>II</b>	<b>Hạng mục đầu tư đề xuất mới</b>				<b>68.120</b>	<b>6.250</b>	<b>61.870</b>	
<b>A</b>	<b>HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG</b>				<b>29.620</b>	<b>6.250</b>	<b>23.370</b>	
<b>1</b>	<b>Điểm Trung tâm du khách</b>				<b>20.050</b>	<b>5.900</b>	<b>14.150</b>	
1.1	Xây dựng khu bến thuyền Cửa Đạt (kè bê tông, bãi đỗ xe, cầu bến thuyền ...)	Bến thuyền	1	8.000	8.000		8.000	
1.2	Xây dựng nhà nghỉ chân chờ đón khách khu bến thuyền Cửa Đạt, diện	M2	150	10	1.500		1.500	

STT	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Xuất đầu tư	Thành tiền	Nhu cầu vốn		Văn bản phê duyệt
						Ngân sách tỉnh	Vốn hợp pháp khác	
	tích 150 m2.							
1.3	Xây dựng trạm cứu hộ, cứu nạn bến thuyền Cửa Đạt	M2	100	10	1.000		1.000	
1.4	Nhà vệ sinh công cộng, bể phốt: 1 nhà, diện tích xây dựng 10m2/nhà	Khu	1	100	100		100	
1.5	Sửa chữa nâng cấp khu làm việc, mua sắm các hạng mục phụ trợ ban quản lý khu BTTN Xuân Liên	Công trình	1	2.800	2.800	2.800		
1.6	Thiết kế, quy hoạch và trồng cây cảnh quan khu vực trung tâm (Văn phòng Ban quản lý, Trung tâm đón tiếp khách)	Công trình	1	1.500	1.500		1.500	
1.7	Xây dựng khu trưng bày và bán hàng lưu niệm 100m m2	M2	100	5	500		500	
1.8	Trồng sưu tập vườn thực vật các loài cây bản địa 155 ha	Ha	155	30	4.650	3.100	1.550	
<b>2</b>	<b>Điểm trình diễn mô hình rừng</b>				<b>1.000</b>	<b>-</b>	<b>1.000</b>	
2.1	Xây dựng nhà vệ sinh công cộng sử dụng vật liệu tại chỗ: 2 nhà, diện tích 10m2/nhà	Nhà	2	100	200		200	
2.2	Xây dựng khu rừng cắm trại tại điểm trình diễn mô hình rừng	Khu	1	800	800		800	
<b>3</b>	<b>Tuyến du lịch Hón Can- Thác Thiên Thủy</b>				<b>2.900</b>	<b>-</b>	<b>2.900</b>	
3.1	Xây dựng nhà vệ sinh công cộng điểm Hón Can sử dụng vật liệu tại chỗ: 2 nhà, diện tích 10m2/nhà	Nhà	2	100	200		200	
3.2	Nhà vệ sinh công cộng thác Thiên Thủy sử dụng vật liệu tại chỗ: 2 nhà, diện tích 10m2/nhà	Nhà	2	100	200		200	

STT	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Xuất đầu tư	Thành tiền	Nhu cầu vốn		Văn bản phê duyệt
						Ngân sách tỉnh	Vốn hợp pháp khác	
3.3	Đường đi bộ và hàng rào bảo vệ, bảng chỉ dẫn nguy hiểm quanh thác Thiên Thủy	Công trình	1	2.100	2.100		2.100	
3.4	Xây dựng điểm check in thác Thiên Thủy	Công trình	1	200	200		200	
3.5	Xây dựng điểm check in đỉnh Pù Gió	Công trình	1	200	200		200	
<b>4</b>	<b>Tuyến du lịch khám phá rừng nguyên sinh bản Vịn</b>				<b>3.870</b>	<b>350</b>	<b>3.520</b>	
4.1	Cải tạo và nâng cấp đường đi bộ đến khu vực và quần thể cây di sản	Km	10,2	100	1.020		1.020	
4.2	Xây dựng đường tiếp nối lên quần thể cây Di sản	km	1	2.000	2.000		2.000	
4.3	Xây dựng hệ thống bảng chỉ dẫn, biển báo trên tuyến du lịch rừng nguyên sinh bản Vịn	Cái	3	50	150	150	-	
4.4	Cải tạo khu rừng cắm trại	Khu	1	500	500		500	
4.5	Điểm check in cây di sản Việt Nam	Công trình	1	200	200	200	-	
<b>5</b>	<b>Tuyến du lịch từ Trung tâm du khách- Vườn thực vật – Trung tâm cứu hộ bán hoang dã Sông Khao – Thác Yên</b>				<b>1.800</b>	<b>-</b>	<b>1.800</b>	<b>-</b>
5.1	Xây dựng nhà vệ sinh công cộng sử dụng vật liệu tại chỗ : 2 nhà, diện tích 10m2/nhà	Cái	2	100	200		200	
5.2	Đường đi bộ xung quanh khu vực Hón Yên có hàng rào bảo hiểm	km	1	1.400	1.400		1.400	
5.3	Xây dựng điểm check in thác Hón Yên	Công trình	1	200	200		200	

STT	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Xuất đầu tư	Thành tiền	Nhu cầu vốn		Văn bản phê duyệt
						Ngân sách tỉnh	Vốn hợp pháp khác	
<b>B</b>	<b>HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG</b>				<b>35.500</b>	-	<b>35.500</b>	
1	Đường nối tiếp tuyến đường Tả ngạn đập Cửa Đạt đi trạm kiểm lâm Sông Khao	Km	6	1.600	9.600		9.600	
2	Nâng cấp đường từ trạm BVR Hón Can đi thác Thiên Thủy	Km	8	300	2.400		2.400	
3	Đường từ bên thuyền Đập Cửa Đạt đi trạm KL Cửa Đạt	Km	1	3.500	3.500		3.500	
4	Đường ven hồ từ đập chính Cửa Đạt đi đập phụ Hón Can	Km	10	2.000	20.000		20.000	
<b>C</b>	<b>VỆ SINH MÔI TRƯỜNG</b>				<b>1.000</b>	-	<b>1.000</b>	-
1	Trang bị các thùng rác thải đặt tại các tuyến du lịch	Hệ thống	1	1.000	1.000		1.000	
<b>D</b>	<b>HẠNG MỤC KHÁC</b>				<b>2.000</b>	-	<b>2.000</b>	
1	Xây dựng Sa bàn mô phỏng các tuyến điểm du lịch tại Trung tâm	Sa bàn	1	1.000	1.000		1.000	
2	Trồng cây tạo cảnh quan tại phân khu dịch vụ hành chính và các tuyến trục đường chính trong Khu bảo tồn (Tương đương 30ha)	Dự án	1	1.000	1.000		1.000	
	<b>Tổng cộng</b>				<b>113.860</b>	<b>14.950</b>	<b>98.910</b>	

**Phụ biểu 04: Tổng hợp các dự án ưu tiên đầu tư Đề án Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng Khu BTTN Xuân Liên đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030**

TT	Tên dự án	Nội dung các công việc	Giai đoạn triển khai	Nguồn vốn
1	Quy hoạch chi tiết cho các điểm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện việc chi tiết quy hoạch cho các điểm khai thác du lịch:</li> <li>- Bản đồ chi tiết 1/2000</li> <li>- Danh mục các công trình và thiết kế chi tiết</li> </ul>	2020-2022	Ngân sách; Xã hội hóa
2	Xây dựng tuyến và các sản phẩm du lịch	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiến hành khảo sát và thiết kế cụ thể cho các tuyến du lịch;</li> <li>- Xây dựng các sản phẩm du lịch cụ thể cho từng điểm và tuyến;</li> <li>- Hỗ trợ cộng đồng phục hồi các hoạt động truyền thống để hỗ trợ du lịch (múa xòe thái, nhảy sạp, một số lễ hội địa phương).</li> </ul>	2021-2023	Ngân sách; Xã hội hóa
3	Tổ chức thu phí tham quan và quản lý sử dụng phí tham quan	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng biểu phí cho từng điểm và tuyến du lịch.</li> <li>- Xây dựng phương án sử dụng nguồn trích từ du lịch cho các hoạt động của KBT.</li> </ul>	2020-2022	Ngân sách
4	Nâng cấp hạ tầng du lịch	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cải tạo, nâng cấp các cơ sở lưu trú và hạ tầng cho du lịch hiện có.</li> <li>- Xây mới các công trình theo quy hoạch và thiết kế được duyệt</li> <li>- Nâng cấp hệ thống nhà lưu trú cộng đồng; các công trình phụ trợ ở các thôn/bản.</li> <li>- Bổ sung các hệ thống biển báo, hướng dẫn cho từng điểm, tuyến.</li> </ul>	2020-2025	Ngân sách; Xã hội hóa
5	Chuẩn hóa và đào tạo nhân lực	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tuyển mới và bổ sung nhân sự chuyên trách về du lịch và quảng bá.</li> <li>- Xây dựng chương trình đào tạo và nâng cao năng lực tại chỗ cho cán bộ có liên quan.</li> <li>- Đào tạo kiến thức và kỹ năng về du lịch cho cộng đồng tham gia.</li> </ul>	2021-2025	Ngân sách; Xã hội hóa
6	Quảng bá và xây dựng thương hiệu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng chiến lược quản bá chi tiết cho từng giai đoạn.</li> <li>- Đăng ký và quản lý thương hiệu.</li> <li>- Triển khai trưng trình quản bá</li> </ul>	2020-2025	Ngân sách; Xã hội hóa
7	Xây dựng các điểm nghỉ dưỡng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thiết kế chi tiết cho các hạng mục.</li> <li>- Xây dựng và thống nhất phương án hợp tác và cho thuê.</li> <li>- Xây dựng phương án giám sát và đánh giá.</li> </ul>	2024-2027	Xã hội hóa
8	Vận hành và giám sát	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Triển khai các hoạt động theo kế hoạch và tiến độ.</li> <li>- Thực hiện các hoạt động giám sát.</li> </ul>	2023 trở đi	Ngân sách; Xã hội hóa